

Số: **27** /2015/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **16** tháng **9** năm **2015**

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành “Quy định quản lý kinh phí khuyến công và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội”

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT/BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Liên Bộ: Tài chính - Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Xét đề nghị của Liên Sở: Công Thương - Tài chính tại Tờ trình số 250/TTr/LS: CT-TC ngày 27 tháng 01 năm 2015 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại các công văn: số 3335/STP-VBPQ ngày 8 tháng 12 năm 2014 và số 210/STP-VBPQ ngày 20 tháng 01 năm 2015; công văn số 2912/SCT-TTKC ngày 25/8/2015 của Sở Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý kinh phí khuyến công và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của UBND Thành phố trái với quy định tại Quyết định này hết hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Công Thương, Tài chính;
- TTr: Thành ủy, HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- VPUB: Các PCVP, các phòng CV, TH, Trung tâm THCB, Công GTĐT TP;
- Lưu: VT, CTh, văn.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Ngọc Tuấn

QUY ĐỊNH

**Quản lý kinh phí khuyến công và mức hỗ trợ
cho các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **24** /2015/QĐ-UBND ngày **16** tháng **9**
năm 2015 của UBND thành phố Hà Nội)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí và quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công của Thành phố theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công; Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính – Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện và quản lý các chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công của thành phố Hà Nội; bao gồm:

2.1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc quận được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2.2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

2.3. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 2. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công

1. Nguồn ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nội dung chi hoạt động khuyến công

1. Chi đào tạo nghề, truyền nghề, cấy nghề tiểu thủ công nghiệp ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động.

2. Chi hỗ trợ hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước, ngoài nước để nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp; chi hỗ trợ đào tạo khởi sự doanh nghiệp; chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn; chi hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.

4. Chi tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; Chi tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm; chi hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu; chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

5. Chi tư vấn: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh; liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

6. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác về phát triển công thương.

7. Chi hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường:

7.1. Chi hỗ trợ thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; chi hỗ trợ xây dựng các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp.

7.2. Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết; chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; chi tổ chức hội nghị, hội thảo và diễn đàn để thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

7.3. Chi hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp.

7.4. Chi hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

8. Chi hợp tác quốc tế về khuyến công:

8.1. Chi xây dựng các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công và sản xuất sạch hơn.

8.2. Chi trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam thông qua hội nghị, hội thảo và diễn đàn.

8.3. Chi nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát ngoài nước.

9. Chi nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công:

9.1. Chi xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

9.2. Chi tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước; chỉ hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn.

9.3. Chi nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công Thành phố; chi thù lao cho cộng tác viên để duy trì mạng lưới cộng tác viên khuyến công.

9.4. Chi xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn và kế hoạch khuyến công hàng năm.

9.5. Chi kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, đề án và nghiệm thu hoạt động khuyến công địa phương.

10. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến công (nếu có).

Điều 4. Mức chi hoạt động khuyến công

Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công cho các hoạt động khuyến công phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Quy định này quy định cụ thể một số mức chi sau:

1. Mức chi chung cho hoạt động khuyến công:

1.1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo nghề, truyền nghề tiểu thủ công nghiệp và giới thiệu, hướng dẫn kỹ thuật, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn theo Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

1.2. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn áp dụng theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2011 của UBND thành phố Hà Nội quy định chế độ công tác phí,

chế độ tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội.

1.3. Chi tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, khảo sát, hội chợ triển lãm, hội thảo và diễn đàn tại nước ngoài áp dụng theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí.

1.4. Chi tổ chức các cuộc thi, cuộc vận động về các hoạt động khuyến công áp dụng theo Thông tư số 101/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện các dự án, chương trình thuộc Đề án "Hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm giai đoạn 2008-2015".

1.5. Chi tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công; các khóa đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Hà Nội.

1.6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin áp dụng theo Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

1.7. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện theo Thông tư liên tịch số 221/2012/TTLT-BTC-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020.

1.8. Chi tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề tiểu thủ công nghiệp áp dụng theo Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" ban hành theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 128/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH (bao gồm hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại trong thời gian học nghề cho học viên là thợ giỏi và nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp học nâng cao để trở thành giáo viên dạy nghề).

(Khi quy định tại các văn bản trích dẫn trên đây thay đổi thì được áp dụng theo văn bản mới bổ sung, thay thế)

2. Mức chi cụ thể:

2.1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30%, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.

Mức hỗ trợ đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình.

2.2. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

2.3. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước; bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ, triển lãm, trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá trong dự toán được phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

2.4. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Hà Nội (bao gồm cả gian hàng của Thành phố nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm do thành phố Hà Nội tổ chức (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá trong dự toán được phê duyệt.

2.5. Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia đi khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2.6. Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Thành phố:

- Chi cho tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Thành phố. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/lần.

- Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn. Mức thưởng không quá 05 triệu đồng/sản phẩm.

2.7. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/thương hiệu.

2.8. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

2.9. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.10. Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp Thành phố. Mức hỗ trợ 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 70 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp Thành phố.

2.11. Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 150 triệu đồng/cụm liên kết.

2.12. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở (Mức hỗ trợ cụ thể theo dự án được cấp có thẩm quyền quyết định).

2.13. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp (Mức hỗ trợ cụ thể theo dự án được cấp có thẩm quyền quyết định).

2.14. Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/cụm công nghiệp (Mức hỗ trợ cụ thể theo dự án được cấp có thẩm quyền quyết định).

2.15. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 3.000 triệu đồng/cụm công nghiệp (Mức hỗ trợ cụ thể theo dự án được cấp có thẩm quyền quyết định).

2.16. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công

- Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công được giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động; chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra; chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác. Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: Đơn vị triển khai thực hiện Đề án khuyến công được chi tối đa 2,5% dự toán Đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

Điều 5. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Điều kiện để các chương trình, đề án của các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công của Thành phố; bao gồm:

1. Nội dung/chỉ phù hợp với nội dung tại Điều 3 Quy định này và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công.

2. Nhiệm vụ, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện các chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Cam kết của các tổ chức, cá nhân thực hiện đề án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

Điều 6. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí chương trình khuyến công

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí từ ngân sách Nhà nước cấp cho hoạt động khuyến công thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Kiểm tra, giám sát, thông tin báo cáo

1. Sở Công Thương lập kế hoạch và phối hợp Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất; giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm theo dõi, đánh giá định kỳ 3 tháng, tổng hợp, báo cáo Sở Công Thương về hoạt động khuyến công trên địa bàn.

3. Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, đánh giá, định kỳ tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện các nhiệm vụ, đề án khuyến công trên địa bàn Thành phố.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; đảm bảo việc sử dụng kinh phí khuyến công của Thành phố đúng mục đích, đối tượng, quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Công Thương đề nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *h*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn
Nguyễn Ngọc Tuấn